TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2025/HC-PT
Ngày: 21-01-2025
V/v: *"Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Võ Ngọc Thông
Các Thẩm phán: ông Phạm Ngọc Thái
bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Duy Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Yến Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 368/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 161/2024/HC-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 203/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà Doãn Thị H; địa chỉ: G Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đại T – Phó Chủ tịch UBND thành phố B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: bà Vũ Thị Thanh V – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B và ông Hoàng Tiến M – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; địa chỉ: I L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thiên V1 – Phó Chủ tịch BND tỉnh Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Cao Quang D – Trưởng Phòng Quản lý đất đai (có mặt) và ông Mai Văn P – Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Huy H1 – Công chức địa chính. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Bà Doãn Thị H2; địa chỉ: D hẻm D, tổ B, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3.3. Ông Doãn Văn H3; địa chỉ: Đ, thôn H, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.

3.4. Ông Doãn Văn H4;

3.5. Ông Doãn Văn H5;

Cùng địa chỉ: C N, tổ B, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3.6. Ông Doãn Văn H6; địa chỉ: D L, tổ C, khu phố E, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2, ông H3, ông H4, ông H5, ông H6: Bà Doãn Thị H; Địa chỉ: G Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.7. Ông Nguyễn Văn T1; Địa chỉ: B L, khối D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3.8. Ông Nguyễn Hữu H7; Địa chỉ: A Đ, khối D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà** Doãn Thị H**, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà** Doãn Thị H2**; Ông** Doãn Văn H3**; Ông** Doãn Văn H4**; Ông** Doãn Văn H5**; Ông** Doãn Văn H6 **trình bày:***

Vào năm 1973, bố chúng tôi là ông Doãn Văn N (hiện đã chết) có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị T3 01 lô đất có diện tích 476m^2 tọa lạc tại: Số F (nay là số A) Đoàn Thị Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trên đất có 01 căn nhà diện tích 140m^2 và vườn cây ăn trái.

Trong thời gian bố tôi đi làm ăn xa, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã giao diện tích đất vườn 336m^2 của gia đình tôi cho ông Nguyễn Văn Q và ông Nguyễn Văn B làm tổ hợp sơn Tiến Lợi. Sau thời gian dài khiếu nại đến UBND phường T, UBND thành phố B và UBND tỉnh Đ, yêu cầu UBND các cấp giải quyết tranh chấp đất với ông Nguyễn Văn B và yêu cầu Ủy ban trả lại đất. Tại Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 12/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Doãn Văn N với ông Nguyễn Văn B đều có nội dung: bác đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai của ông Doãn Văn N; Thu hồi diện tích 260m^2 thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 09, phường T, thành phố B và giao cho UBND thành phố B quản lý, bố trí sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Gia đình tôi đã khởi kiện yêu cầu hủy 02 Quyết định hành chính nêu trên và tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 80/2021/HC-ST ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk và Bản án hành chính phúc thẩm số 77/2022/HC-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng đã tuyên hủy các quyết định giải quyết khiếu nại số 227/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 12/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Sau khi có Bản án của Tòa cấp cao Đà Nẵng, gia đình tôi làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất nêu trên nhưng UBND phường T,

UBND thành phố B không giải quyết hồ sơ với lý do: Trước đây UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 336/QĐ-UB ngày 02/8/1982 cấp diện tích 336m^2 đất này cho Tổ hợp sản xuất sơn Tiến Lợi nhưng quyết định này chưa bị hủy bỏ nên đất vẫn thuộc quản lý của Hợp tác xã. Tại Công văn số 612 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Đ cũng trả lời kiến nghị của gia đình chúng tôi với nội dung như trên.

Theo nhận thức của chúng tôi thì Bản án của Tòa án các cấp chấp nhận việc đòi lại đất của gia đình tôi là cơ sở để cơ quan Nhà nước cấp giấy chứng nhận cho gia đình tôi. Vì vậy, tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa đất số 51, phía Tây giáp đường L, phía Bắc giáp thửa đất số 41, phía Nam giáp đường Đ cho gia đình chúng tôi.

2. Hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 336/QĐ-UB ngày 02/8/1982 của UBND tỉnh Đ về việc cấp 336m^2 đất cho Tổ hợp sản xuất sơn Tiến Lợi.

- Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 20/5/2015 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bán đấu giá thửa đất số 50, tờ bản đồ số 09 tại phường T thành phố B.

**** Theo bản tự khai, Người đại diện theo ủy quyền của** Ủy ban nhân dân thành phố B **trình bày:***

Về nguồn gốc đất: Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 09, phường T, thành phố B có nguồn gốc nằm trong diện tích 336m^2 đất được UBND tỉnh cấp cho Tổ hợp sản xuất sơn T4 (sau này đổi tên là Hợp tác xã A do ông Nguyễn Văn B làm Chủ nhiệm) tại Quyết định số 336/QĐ-UB ngày 02/8/1982. Sau khi Hợp tác xã A giải thể theo Quyết định 67/QĐ-UB ngày 20/3/1993 của UBND thị xã B, ông Nguyễn Văn B tiếp tục sử dụng diện tích 336m^2 đất nêu trên cho đến năm 2007 thì chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông Nguyễn Văn T1, phần còn lại thì ông Nguyễn Văn B để lại cho con trai là ông Nguyễn Hữu H7 quản lý và sử dụng. Vụ việc tranh chấp đất đai giữa ông Doãn Văn N (cha của bà Doãn Thị H) với ông Nguyễn Văn B đối với diện tích 260 m^2 đất thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 09, phường T, thành phố B được Chủ tịch UBND thành phố B giải quyết tại Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 và Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết lần hai tại Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 12/4/2010. Theo đó đã Quyết định: Bác đơn đề nghị giải quyết tranh

chấp đất đai của ông Doãn Văn N, tranh chấp đất đai với ông Nguyễn Văn B tại số A Đ, phường T, thành phố B. Thu hồi diện tích 260 m^2, thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 09, phường T, thành phố B và giao cho UBND thành phố B quản lý, bố trí sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Ngày 20/5/2015, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2731/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bán đấu giá tài sản đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 09 nêu trên.

Không đồng ý với các Quyết định giải quyết tranh chấp nêu trên, bà Doãn Thị H và các con của ông Doãn Văn N đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết tại Bản án số 80/2021/HC-ST ngày 17/02/2021, TAND cấp cao tại Đà Nẵng giải quyết tại Bản án hành chính phúc thẩm số 177/2022/HC-PT ngày 01/7/2022, theo đó đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị H, Doãn Thị H2, Doãn Văn H3, Doãn Văn H4, Doãn Văn H5, Doãn Văn H6. Tuyên hủy Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 của Chủ tịch UBND thành phố B và Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 12/4/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Doãn Văn N với ông Nguyễn Văn B. Kiến nghị UBND thành phố B dừng thi hành Quyết định số 2731/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bán đấu giá tài sản đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 09.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 80/2021/HC-ST ngày 17/02/2021 của TAND tỉnh Đắk Lắk và Bản án hành chính phúc thẩm số 177/2022/HC-PT ngày 01/7/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng đều nhận định *"Việc UBND tỉnh ban hành Quyết định số 336/QĐ-UB ngày 02/8/1982 cấp 336m^2 đất của ông Doãn Văn N cho Tổ hợp tác sản xuất sơn Tiến Lợi mà không ban hành quyết định thu hồi đất là không đúng quy định tại điểm b khoản 3 Mục V Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ..."*. Tuy nhiên, Tòa án không tuyên xử về tính pháp lý của Quyết định số 336/QĐ-UB ngày 02/8/1982 của UBND tỉnh cũng như việc thu hồi, trả lại đất cho gia đình bà Doãn Thị H; do đó diện tích 260m^2 đất nêu trên vẫn thuộc quyền quản lý của Tổ hợp tác sản xuất sơn Tiến Lợi (sau này đổi tên là Hợp tác xã A) theo Quyết định số 336/QĐ-UB ngày 02/8/1982 của UBND tỉnh. Vì vậy, nội dung bà Doãn Thị H kiến nghị liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 09, diện tích 260m^2 tại phường T, thành phố B là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

**** Theo bản tự khai, Người đại diện theo ủy quyền của** Ủy ban nhân dân tỉnh Đ **trình bày:***

Ngày 07/5/1982, Tổ hợp sơn tổng hợp T4 có Tờ trình xin cấp đất xây dựng Nhà xưởng sản xuất. Sau khi được Ban xây dựng cơ bản tỉnh đề xuất, ngày 02/8/1982, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 336/QĐ-UB về việc cấp cho Tổ hợp sản xuất sơn Tiến Lợi với diện tích 336m^2 đất tại K, phường T, thị xã B (nay là số A Đ, phường T, thành phố B) để xây dựng xưởng sản xuất. Diện tích 336m^2 đất nêu trên có hiện trạng là đất trống không có người sử dụng, nên việc UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 336/QĐ-UB giao đất cho Tổ hợp sản xuất sơn Tiến Lợi để xây dựng xưởng sản xuất là đúng quy định tại Điều 18 Nghị định số 47-CP ngày 15/3/1972 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ tạm thời về việc lựa chọn địa điểm công trình và quản lý đất xây dựng; Khoản 2 Mục V Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất cả nước.

Kể từ ngày được UBND tỉnh giao đất đến lúc giải thể (theo Quyết định số 67/QĐ-UB ngày 20/3/1993 của UBND thị xã B) Tổ hợp sản xuất sơn Tiến Lợi đã quản lý sử dụng đất, đầu tư xây dựng nhà xưởng và tổ chức sản xuất ổn định, không bị tranh chấp, lấn chiếm khiếu kiện. Đồng thời theo quy định tại Khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 quy định: "5. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.". Căn cứ nội dung, quy định nêu trên thì bà Doãn Thị H yêu cầu hủy Quyết định số 336/QĐ-UB ngày 02/8/1982 của UBND tỉnh Đ là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác đơn khởi kiện của bà Doãn Thị H.

**** Theo bản tự khai Người đại diện theo ủy quyền của*** Ủy ban nhân dân phường T ***trình bày:*** Qua thu thập hồ sơ ủy ban nhân dân phường T đã nhận được Công văn số 612/UBND –NNMT ngày 22/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc xử lý đơn kiến nghị của bà Doãn Thị H với nội dung không có cơ sở để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 50, tờ bản đồ số 09, diện tích 260m^2 tại phường T, thành phố B. Ủy ban nhân dân phường T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông*** Nguyễn Văn T1 ***trình bày:***

Năm 1982 UBND tỉnh Đ ra quyết định cấp cho Hợp tác xã A một lô đất có diện tích 336m^2 theo quyết định số 336/QĐ-UB ngày 02/08/1982. Đến ngày 20/03/1993, UBND Thị xã B quyết định giải thể Hợp tác xã A. Sau khi có quyết

định giải thể, Hợp tác xã A đã lập hội đồng thanh lý tài sản nhà và đất cho ông Nguyễn Văn B. Kể từ ngày hoàn tất thủ tục thanh lý tài sản nhà và đất nói trên, ông B đã được nhận nhà và đất sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993.

Đến năm 2002, ông B đã chuyển nhượng nhà và đất cho Tôi với diện tích đất là 66m². Đến ngày 23/12/2008, ông B chuyển nhượng tiếp cho Tôi một phần diện tích đất, trên đất có nhà cấp 4 diện tích chuyển nhượng là: 101.1m^2, các bên có lập hợp đồng viết tay chưa được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Giấy tờ đất của ông B được quy định tại: khoản 4 điều 50 của luật đất đai năm 2003; khoản 1 điều 16 nghị định số: 84/2007/NĐ–CP ngày 25 tháng 05 năm 2007; khoản 1 điều 100 của luật đất đai năm 2013; khoản 2, 3 điều 23 nghị định số 43/2014/NĐ-CP ; Khoản 1 Điều 54 nghị định số 01/2017/NĐ-CP; nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. Theo các quy định trên thì đất của ông B đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Vì vậy việc bà Doãn Thị H, Doãn Thị H2, Doãn Văn H3, Doãn Văn H4, Doãn Văn H5, Doãn Văn H6 khởi kiện về tranh chấp quyền sử dụng đất là không có quyền khởi kiện, không đủ điều kiện để khởi kiện. Đề nghị Tòa án không thụ lý vụ án và trả lại đơn khởi kiện. Công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất khoảng 66m^2 toạ lạc tại B đường L, phường T, thành phố B và diện tích đất: 101.1m^2 , toạ lạc tại A Đ, phường T, Thành phố B mà tôi nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn B. Đề nghị Tòa án kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sớm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tôi.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông** Nguyễn Hữu H7 **đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.***

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 161/2024/HC-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 143; Điều 116; Điều 165; điểm b, c khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 3 Điều 95, khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị H.

[1.1] Tuyên bố hành vi của UBND thành phố B không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Doãn Thị H, Bà Doãn Thị H2, Ông Doãn Văn H3, Ông Doãn Văn H4, Ông Doãn Văn H5, Ông Doãn Văn H6 là trái pháp luật.

Buộc UBND thành phố B phải thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có vị trí: Hướng Đông giáp thửa đất số 41; Hướng Tây giáp đường L; Hướng Nam giáp đường Đ; Hướng Bắc giáp thửa đất số 51. Đất có địa chỉ tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho bà Doãn Thị H, Bà Doãn Thị H2, Ông Doãn Văn H3, Ông Doãn Văn H4, Ông Doãn Văn H5, Ông Doãn Văn H6 theo quy định của pháp luật.

[1.2] Tuyên hủy: Quyết định số 336/QĐ-UB ngày 02/8/1982 của UBND tỉnh Đ về việc cấp 336m^2 đất cho Tổ hợp sản xuất sơn Tiến Lợi; Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 20/5/2015 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bán đấu giá thửa đất số 50, tờ bản đồ số 09 tại phường T thành phố B; Công văn số 126/UBND-ĐC ngày 22 tháng 6 năm 2023 của UBND phường T và Công văn số 612/UBND-NNMT ngày 22 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Đ về việc trả lời đơn cho bà Doãn Thị H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 15/5/2024 ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Nguyễn Văn T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của ông Nguyễn Văn T1: ông T1 trình bày vẫn giữ nguyên như nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông, sửa bản án hành chính sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai. Tuy nhiên đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 225 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1, Hội đồng xét xử nhận thấy: về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất thể hiện vào năm 1973 thì ông Doãn Văn N (hiện đã chết) nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị T3 01 lô đất có diện tích 476m^2 tọa lạc tại Số F (nay là số A) đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trên đất có 01 căn nhà diện tích 140m^2 và vườn cây ăn trái. Năm 1982, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 336/QĐ-UB ngày 02/8/1982 cấp diện tích 336m^2 đất, thuộc một phần đất vườn cây của ông Doãn Văn N cho Tổ hợp sản xuất sơn T4 (Sau là Hợp tác xã A). Sau khi Hợp tác xã A giải thể theo Quyết định 67/QĐ-UB ngày 20/3/1993 của UBND thị xã B, ông Nguyễn Văn B – nguyên Chủ nhiệm Hợp tác xã tiếp tục sử dụng diện tích 336m^2 đất nêu trên. Ông N khiếu nại yêu cầu UBND các cấp giải quyết đòi lại diện tích đất nêu trên. Tại Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 12/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông N với ông B đều có nội dung: Không chấp nhận việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng lô đất; thu hồi diện tích 260m^2 thuộc thửa đất như đã nêu và giao cho UBND thành phố B quản lý, bố trí sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Bà Doãn Thị H (con của ông N) đã khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định nêu trên. Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 80/2021/HC-ST ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án hành chính phúc thẩm số 77/2022/HC-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng đã tuyên hủy Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 12/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

[3] Xét thấy, việc UBND thành phố B không giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H với lý do: *"Tòa án không tuyên xử về tính*

pháp lý của Quyết định số 336/QĐ-UB ngày 02/8/1982 của UBND tỉnh cũng như việc thu hồi, trả lại đất cho gia đình bà Doãn Thị H, do đó diện tích 260m² đất nêu trên vẫn thuộc quyền quản lý của Tổ hợp sản xuất sơn T4 (sau này đổi tên là Hợp tác xã A)" là chưa xem xét toàn diện quá trình giải quyết yêu cầu đòi lại đất của gia đình bà H. Cụ thể, khi UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 336/QĐ-UB ngày 02/8/1982 cấp diện tích 336m² đất vườn của cụ Doãn Văn N cho Tổ hợp sản xuất sơn Tiến Lợi (sau đó là Hợp tác xã A), cụ N đã khiếu nại yêu cầu trả lại đất. Khi Hợp tác xã giải thể, quyền sử dụng đất không được xử lý mà để cá nhân ông B cùng gia đình sử dụng. Chủ tịch UBND thành phố và Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại với nội dung không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của cụ N nên bà H đã khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định này.

[4] Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 80/2021/HC-ST ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã nhận định: *"Việc UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 02/8/1982 về việc cấp đất cho Tổ hợp sản xuất sơn Tiến Lợi là không đúng quy định của pháp luật, việc thu hồi đất để trả lại cho gia đình ông Doãn Văn N là đảm bảo hợp tình, hợp lý, đúng nguồn gốc sử dụng đất"*. Bản án sơ thẩm đã tuyên hủy các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ nhưng sau khi xét xử sơ thẩm các cơ quan này không kháng cáo, chỉ có người có quyền lợi liên quan là ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo.

[5] Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 77/2022/HC-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng đã nhận định *"Việc UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 336/QĐ- UBND ngày 02/8/1982 cấp 336m2 đất của gia đình ông Doãn Văn N cho Tổ hợp sản xuất sơn T4 mà không ban hành quyết định thu hồi đất là không đúng quy định tại điểm b khoản 3 Mục V, Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước. ....Trên thực tế, theo giấy chuyển nhượng nhà đất giữa vợ chồng ông T3, bà T2 và ông N thì ông T3, bà T2 chuyển nhượng cho ông N 01 ngôi nhà và vườn cây ăn trái, các biên bản xác minh những người sinh sống gần đấy thì khi UBND tỉnh Đ ban hành quyết định giao đất cho Tổ hợp sơn Tiến Lợi vào năm 1982, các con ông Doãn Văn N vẫn đang sinh sống tại căn nhà cạnh vườn cây. Theo giấy chuyển nhượng nhà đất giữa ông Doãn Văn N và ông Nguyễn Thanh L thì ông N chuyển nhượng ngôi nhà cho ông L vào năm 1983 - sau khi UBND tỉnh Đ cấp đất cho Tổ hợp sơn T4. Như vậy, tại thời điểm UBND tỉnh Đ cấp đất cho Tổ*

hợp sơn T4 *thì gia đình ông* Doãn Văn N *vẫn đang quản lý, sử dụng đất"* và tuyên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[6] Như vậy, cả 02 bản án nêu trên đều đánh giá việc đòi lại đất của cụ Doãn Văn N là có căn cứ và hủy các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND các cấp, nên thửa đất nêu trên phải được trả lại cho cụ N. Xét thấy, Quyết định số 336/QĐ-UB ngày 02/8/1982 về việc cấp diện tích 336m^2 đất cho Tổ hợp sản xuất sơn Tiến Lợi là quyết định hành chính cá biệt được áp dụng một lần cho một đối tượng cụ thể. Đến năm 1993 thì Hợp tác xã A đã giải thể theo Quyết định 67/QĐ-UB ngày 20/3/1993 của UBND thị xã B. Do đó, quyết định về việc cấp đất không còn đối tượng được áp dụng nên hết hiệu lực thi hành, UBND thành phố lấy lý do Quyết định số 336/QĐ-UB ngày 02/8/1982 của UBND tỉnh chưa bị hủy nên đất vẫn thuộc quyền sử dụng của Hợp tác xã A là không đúng; nên UBND thành phố không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H và những người con của cụ N là xâm phạm quyền lợi của đương sự.

[7] Đối với yêu cầu Hủy Quyết định số 336/QĐ-UB ngày 02/8/1982 của UBND tỉnh Đ về việc cấp 336m^2 đất cho Tổ hợp sản xuất sơn Tiến Lợi, Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 20/5/2015 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bán đấu giá thửa đất đang khiếu nại, Công văn số 126 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của UBND phường T, Công văn số 612 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Đ có nội dung trả lời đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H. Như đã phân tích tại các mục nêu trên, đây là các quyết định hành chính có liên quan và là lý do để UBND thành phố không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, Toà án cấp sơ thẩm tuyên huỷ là có căn cứ.

[8] Từ những phân tích như nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để làm thay đổi quyết định của bản án sơ thẩm nên không có cơ sở xem xét chấp nhận; ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhân định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; bác kháng cáo của ông T1, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

[9] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo của ông T1 không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính.

Áp dụng khoản 3 Điều 95, khoản 2 Điều 105 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 161/2024/HC-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị H.

- Tuyên bố hành vi của UBND thành phố B không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Doãn Thị H, bà Doãn Thị H2, ông Doãn Văn H3, ông Doãn Văn H4, ông Doãn Văn H5, ông Doãn Văn H6 là trái pháp luật.

- Buộc UBND thành phố B phải thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có vị trí: Hướng Đông giáp Thửa đất số 41; Hướng Tây giáp đường L; Hướng Nam giáp đường Đ; Hướng Bắc giáp Thửa đất số 51. Đất có địa chỉ tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho bà Doãn Thị H, bà Doãn Thị H2, ông Doãn Văn H3, ông Doãn Văn H4, ông Doãn Văn H5, ông Doãn Văn H6 theo quy định của pháp luật.

- Hủy Quyết định số 336/QĐ-UB ngày 02/8/1982 của UBND tỉnh Đ về việc cấp 336m^2 đất cho Tổ hợp sản xuất sơn Tiến Lợi; Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 20/5/2015 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bán đấu giá Thửa đất số 50, Tờ bản đồ số 09 tại phường T thành phố B; Công văn số 126/UBND-ĐC ngày 22 tháng 6 năm 2023 của UBND phường T và Công văn số 612/UBND-NNMT ngày 22 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Đ về việc trả lời đơn cho bà Doãn Thị H.

3. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: UBND thành phố B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014066 ngày 01/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.***Nơi nhận:***
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Thông